TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2024/DS-PT
Ngày 04-4-2024
"*V/v Tranh chấp về dân sự quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng.

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Tôn.

Ông Lê Hồng Nước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phan Trung Quốc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, về việc "*Tranh chấp về dân sự quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 208/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông K: Ông Phạm Hoàng Đ, sinh năm 1972. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn văn bản ủy quyền ngày 24/10/2023.

Địa chỉ liên hệ: Số G, Quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Số F, lô A, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1979. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023.

Địa chỉ: Số G đường L, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Và người đại diện hợp pháp của ông T: Chị Nguyễn Thị Tuyết T1, sinh năm 1982. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2024.

Địa chỉ: Số F, tổ A, ấp H, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị L, chị N: Ông Phạm Hoàng Đ, sinh năm 1972. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn văn bản ủy quyền ngày 24/10/2023.

Địa chỉ liên hệ: Số G, Quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

** Người kháng cáo*: Nguyễn Văn T là bị đơn.

Ông Đ, chị T1, chị P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích khoảng 1.496,5m^2, chưa được giải thửa theo hệ thống bản đồ 299, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là của Trà Văn H (ông ngoại của Nguyễn Văn K) tặng cho Nguyễn Văn K canh tác lúa mùa từ trước năm 1975, vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp thửa 1098, tờ bản đồ số 6, do ông Nguyễn Văn T đứng tên;
- Phía Nam giáp tỉnh lộ DT 847;
- Phía Tây giáp thửa đất chưa được giải thửa theo hệ thống bản đồ 299;
- Phía Đông giáp thửa đất chưa được giải thửa theo hệ thống bản đồ 299;

Đến năm 2019, Nguyễn Văn K thực hiện đăng ký để được đứng tên quyền

sử dụng đất đối với diện tích 1.496,5 m^2 trên. Tuy nhiên, khi cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc hiện trạng đất thì Nguyễn Văn T người sử dụng đất giáp ranh ra ngăn cản, không cho đo đạc. Nguyễn Văn T cho rằng diện tích đất này là của Nguyễn Văn T, dẫn đến tranh chấp.

Sau khi nhận đất tặng cho từ Trà Văn H, Nguyễn Văn K tiếp tục quản lý và sử dụng canh tác lúa mùa. Năm 1985, Nhà nước làm lộ Đường T2, xe ủi lấy đất của Nguyễn Văn K lên để làm đường nên đất của Nguyễn Văn K thấp và sâu hơn. Sau đó, Nguyễn Văn K trồng gáo, me tây, trúc, ổi và xây dựng một cái chuồng trâu trên phần đất cặp mương lộ, diện tích còn lại phía trong thì Nguyễn Văn K trồng rau, nuôi cá cho đến nay.

Năm 2003, Nguyễn Văn K cho con gái là Nguyễn Thị L xây dựng một căn nhà diện tích 70.1 m^2 (ngang 6,7 m, dài 12,5 m) để ở và sinh sống ổn định cho đến nay. Cũng trên phần đất này, Nguyễn Văn K cho con gái Nguyễn Thị N xây dựng một căn nhà diện tích 74,3 m^2 (ngang 7m, dài 12,5m).

Hiện nay trên diện tích đất đang tranh chấp có 02 căn nhà là nhà của Nguyễn Thị N và nhà của Nguyễn Thị L là con của Nguyễn Văn K. Như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện.

Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị L có trồng các loại cây như đu đủ, xoài, ổi, dừa, chuối, mai, cây xanh, cây trứng cá.

Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Công nhận cho Nguyễn Văn K được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 1.496,5 m^2 trong đó có 936 m^2 thuộc một phần thửa đất số 15 và 560,5 m^2 đất thuộc một phần thửa 04 cùng tờ bản đồ số 15 (bản đồ lưới tọa độ) đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo sơ đồ đo đạc ngày 03/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Văn K thống nhất Tòa án định giá, phần đất đang tranh chấp với Nguyễn Văn T theo đo đạc thực tế là 1496,5 m^2 được thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 03/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thuộc một phần thửa số 4, 15 cùng tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của Nguyễn Văn K xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Chỉ yêu cầu Toà án công nhận cho ông được quyền sử dụng đất diện tích 936 m^2 được thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, A, B về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 31/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký

đất đai huyện C thuộc một phần thửa 15, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Đối với yêu cầu của Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án công nhận cho Nguyễn Văn K được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất 1496,5 m^2 là hết sức vô lý. Nguyễn Văn T không thống nhất vì:

Thứ nhất: Diện tích đất mà Nguyễn Văn K yêu cầu tòa án công nhận thuộc quyền sử dụng đất của gia đình Nguyễn Văn T. Do Nguyễn Văn T đã mua lại của ông Nguyễn Văn B toàn bộ diện tích phía ngoài khoảng 7.000m^2 đất ruộng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00743/QSDD A5 ngày 04 tháng 8 năm 1993, theo bản đồ số 06, ngày 10/06/1997. Bản đồ trích lục hiện tại là bản đồ số 6 ngày 25 tháng 06 năm 2019. Không tính phần đất trừ lộ giới, tại thời điểm Nguyễn Văn T đăng ký quyền sử dụng đất và đã được tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh công nhận bằng bản án số 41 ngày 30/9/1994. Đội thi hành án tiến hành bản giao tài sản thi hành án ngày 8 tháng 12 năm 1998 theo quyết định thi hành án số 154/THA ngày 10/11/1994. Có thể hiện Đ1, Tây tứ cận theo biên bản. Công văn của đội thi hành án huyện C xác nhận bằng văn bản, nội dung cung cấp thông tin số:300/CCTHADS, ngày 18 tháng 12 năm 2017, khẳng định diện tích đất đã giao cho gia đình Nguyễn Văn T.

Thứ hai: Sau khi bản án có hiệu lực và gia đình Nguyễn Văn T đã nhận và san lấp một phần để cất nhà nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn Nguyễn Văn T đã sang nhượng cho ông Sáu T3 (ông Nguyễn Văn N1) một phần đất đã san lấp vào ngày 6 tháng 10 năm 1997.

Thứ ba: Sau 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực và Nguyễn Văn T đã tiến hành san lấp mặt bằng và đã sang nhượng thì vào ngày 03 tháng 05 năm 2003 ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn K ngang nhiên bao chiếm phần đất của Nguyễn Văn K để cất nhà cho con Nguyễn Văn K là bà Nguyễn Thị L1. Nguyễn Văn T có yêu cầu chính quyền xã N can thiệp và được giải quyết bằng biên bản được lập lúc 10h15’ ngày 03 tháng 05 năm 2003. Theo đề nghị số: 77/ĐNUB của xã N. Nguyễn Văn K tiếp tục khiếu kiện kéo dài cho đến nay, và Ủy ban nhân dân xã N đã ra 2 quyết định” Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” vì Nguyễn Văn K không tháo dỡ nhà trả lại đất mà còn ngang nhiên bao chiếm cất thêm cho con thứ là bà Nguyễn Thị N. Cụ thể 2 quyết định

đó là quyết định số: 53/QĐ-XPHC, ngày 06 tháng 06 năm 2011 Ủy ban nhân dân xã N, Quyết định số: 64 /QĐ-UBND xã N ngày 27 tháng 06 năm 2011.Và Ủy ban nhân dân huyện C tiếp tục ban hành quyết định số: 47/QĐ-UBND để giải quyết vụ việc.

Tổng diện tích gia đình Nguyễn Văn K bao chiếm là 1.496.5 m^2 theo đo đạc thực tế là 1496.5 m^2 được thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8 về M1 theo sơ đồ đo đạc ngày 03/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thuộc một phần thửa 4, 15 cùng tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Thứ tư: Nguyễn Văn T vẫn đang thưa kiện gia đình của ông Nguyễn Văn K có hành vi ngang nhiên bao chiếm đất và đang trong giai đoạn giải quyết bằng hồ sơ thụ lý vụ án dân sự số: 206/2020/TLST-DS, ngày 21/02/2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Tòa án đã mời đôi bên ra xét xử 2 lần nhưng chưa xét xử được do tòa án phải chờ quyết định của ủy ban nhân dân tỉnh Đ về diện tích cột mốc lộ giới nên đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Từ cơ sở trên Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án hủy yêu cầu không chính đáng của ông Nguyễn Văn K trả lại sự công bằng cho gia đình Nguyễn Văn T.

Trong trường hợp Tòa án buộc Nguyễn Văn K trả lại đất cho Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T yêu cầu phía Nguyễn Văn K, bà L, bà N di dời toàn bộ công trình xây dựng, nhà cửa, cây trồng và tài sản ra khỏi phần đất. Nguyễn Văn T không tự nguyện hỗ trợ di dời.

Theo công văn 08/UBND-TNMT ngày 06/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C thì có nội dung: "Theo sổ dã ngoại năm 2003, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 15 ghi thông tin Nguyễn Thị T4, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 15 ghi tên Nguyễn Văn T.

Sổ Mục kê đất đai (theo hệ thống bản đồ 299), thửa đất 1098, tờ bản đồ 06 ghi thông tin Nguyễn Văn T".

Ông Nguyễn Văn T xác định "Nguyễn Văn T bị đơn không phải là ông Nguyễn Văn T trong công văn 08/UDND – TNMT ngày 06/01/2021".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà Q và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, không bổ sung hay trình bày gì thêm.

* Tại Quyết định Bản án sơ thẩm số 208/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn K.

1.1 Công nhận cho ông K diện tích đất 936 m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, A, B về 1 thuộc thửa số 15 tờ bản đồ số 15, đất toạ lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng và vật kiến trúc, tài sản ra khỏi diện tích 560,5 m^2 đất thuộc một phần thửa 4, cùng tờ bản đồ 15, đất tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2021 và theo sơ đồ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 31/01/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Nguyễn Văn K có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng, quyền và thời hạn kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 10 năm 2023, ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 208/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K, công nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Văn T diện tích 936m^2.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 273, 295 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T yêu cầu công nhận cho ông T được quyền sử dụng diện tích 936m^2.

[3] Xét thấy, nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn B. Theo ông T, vào năm 1985 ông B chuyển nhượng cho ông T khoảng 07 công, ông T quản lý sử dụng đến ngày 21/8/1993, ông T kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1098, diện tích 4.033m^2, tờ bản đồ số 6, đất lúa. Năm 1994, ông T và ông B có tranh chấp, theo Bản án số 41 ngày 30/9/1994, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử, công nhận cho ông T được quyền sử dụng diện tích 4.033m^2, thửa 1098. Ngày 08/12/1998 Cơ quan thi hành án tiến hành thi hành án giao cho ông T được quyền sử dụng diện tích 4.033m^2, thửa 1098, tờ bản đồ số 6 có vị trí tứ cận như sau:

- Đông giáp lộ Đường T ngang 90m.
- Tây giáp đất ông B ngang 57m.
- Nam giáp đất ông C, ông N1, ông C1 dài 110m.
- Bắc giáp đất ông Lê Xuân H1 dài 39,5m.

[4] Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm số 41, không thể hiện sơ đồ kích thước vị trí diện tích đất 4.033m^2. Biên bản bàn giao tài sản ngày 08/12/1998, diện tích đất 4.033m^2 không có sơ đồ và ông Nguyễn Văn B cũng không có ký tên.

[5] Theo xác nhận ngày 06/6/1994 của ông Võ Công M do ông T cung cấp thì hộ ông Nguyễn Văn T đã đăng ký quyền sử dụng đất thửa 1098, diện tích 4.033m^2 không có dính phần trừ lộ giới.

[6] Theo trích lục bản đồ ngày 10/6/1997, thì thửa đất số 1098 chưa đến lộ đường T.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm,chị P (ông T) thừa nhận cặp lộ Đường Thét trước đây là con mương lộ, có chiều ngang khoảng 30 m.

[8] Phần đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc ngày 31/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C có diện tích 1.469,4m^2, hiện do ông K đang quản lý sử dụng, ông K có cho con là chị Nguyễn Thị L xây dựng vào năm 2003 và chị Nguyễn Thị N xây dựng nhà vào năm 2011.

[9] Theo Công văn số 08/UBND-TNMT ngày 06/01/2021 của Ủy ban nhân dân N xác định: Phần đất diện tích 1.469,4m^2 khi áp vào bản đồ địa chính đang quản lý, sử dụng thì không thuộc đất công do nhà nước quản lý (thuộc các thửa đất số 04, 15, tờ bản đồ số 15, theo hệ thống bản đồ lưới)…hiện thửa đất số 04 và thửa đất số 15, tờ bản đồ số 15 chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[10] Theo công văn số 345/UBND-TNMT ngày 14/3/2022 và Công văn số 991/UBND-TNMT ngày 25/7/2022 của Ủy ban nhân huyện C xác định: Phần diện tích đất 1.469,5m^2 thuộc một phần thửa 15, tờ bản đồ số 15, diện tích 936m^2 và thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 15, diện tích 560,5m^2.

[11] Phần đất ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.033m^2, thửa 1098. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T1 trình bày ông T đã chuyển nhượng cho ông N1 diện tích khoảng 2.000m^2. Theo sơ đồ đo đạc ngày 31/01/2023, thì phần đất ông T đang quản lý sử dụng diện tích 3.125,3m^2 và phần đất phía gia đình ông K giao trả lại theo bản án sơ thẩm 560,5m^2. Như vậy, diện tích đất của ông T thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[12] Phần đất tranh chấp, trong quá trình sử dụng ông K trồng cây ăn trái như xoài, dừa, ổi…Năm 2003, ông K cho con là chị Nguyễn Thị L xây dựng nhà, đến năm 2011 tiếp tục cho chị Nguyễn Thị N xây dựng nhà và sử dụng đất ổn định cho đến nay.

[13] Đối với việc ông T cho rằng năm 2011, ông K cho con xây dựng nhà Ủy ban nhân dân xã N ban hành Quyết định số 53/QĐ-XPHC ngày 06/6/2011 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông K.

[14] Tuy nhiên, theo Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của Ủy ban nhân huyện C, Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T ngày 21/8/1993, thửa 1098, tờ bản đồ số 6. Lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng thực tế sử dụng. Đến ngày 26/11/2018, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4310/QĐ-UBND, Hủy Quyết định số 1463/QĐ-UBND.

[15] Như vậy, theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện chưa đủ cơ sở ông K có lấn chiếm phần đất của ông T.

[16] Với các cơ sở trên, án sơ thẩm xử công nhận cho ông K được quyền sử dụng diện tích 936m^2 là có căn cứ. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T.

[19] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[20] Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận, nên ông T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 208/2023/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn K:

- Công nhận cho Nguyễn Văn K diện tích 936 m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, A, B về 1 thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 15, đất toạ lạc tại: xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng và vật kiến trúc, tài sản ra khỏi diện tích 560,5 m^2 đất thuộc một phần thửa 4, cùng tờ bản đồ 15, đất tọa lạc tại: xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2021 và theo sơ đồ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 31/01/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Nguyễn Văn K có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:

Ông Nguyễn Văn T phải nộp số tiền là 12.388.000 đồng, để trả lại cho ông Nguyễn Văn K đã tạm ứng trước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Tấn Tặng